TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **272**/2023/HS-ST
Ngày: 18-12-2023.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng
Bà Lê Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Trần Phú Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 284/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2023/QĐXXST-HS ngày 04/12/2023, đối với bị cáo:

TRỊNH VĂN MẠNH, sinh ngày 13/7/1995 tại tỉnh Nghệ An.
Trú tại: ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 12/12
Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam
Tôn giáo : Không Quốc tịch : Việt Nam
Con ông Trịnh Văn H và bà Đậu Thị T.
Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu.
Vợ là Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 2002; có 01 con sinh năm 2022.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo tại ngoại. *(Có mặt)*

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** **Ông Nguyễn Viết N, sinh năm 1964;** Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/02/2021, ông Nguyễn Viết N nhờ Trịnh Văn M làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 139, tờ

bản đồ số 41, diện tích 1463m^2, tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai do ông Nguyễn Viết K (cha ông N, đã chết) đứng tên thì M đồng ý. Hai bên đã lập hợp đồng thỏa thuận, M có trách nhiệm làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất nêu trên trong thời hạn 03 tháng với chi phí và tiền công tổng cộng là 70.000.000 đồng. Ông N đã đưa cho M các giấy tờ gồm: Bản chính 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W139168 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/6/2003 cho hộ ông Nguyễn Viết K thửa đất số 139, tờ bản đồ số 41, xã B, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai; Bản phô tô: 01 Sổ hộ khẩu, 01 Chứng minh nhân dân của ông N; số tiền 30.000.000 đồng. M và ông N cam kết với nhau, khi M sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì ông N giao 40.000.000 đồng còn lại. Sau khi thỏa thuận với ông N, đến ngày 18/5/2021 M được ông N giao thêm 20.000.000 đồng.

Sau đó, M đã đến UNND xã B gặp ông Phạm Văn H1 là cán bộ Ban Văn hóa xã B nhờ ông H1 liên hệ làm giúp thủ tục sang tên cho ông N. Sau khi xem hồ sơ thì ông H1 nói với M phải có các thành viên trong Sổ hộ khẩu tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ký thỏa thuận phân chia tài sản thì mới làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất được và hướng dẫn M đến Văn phòng công chứng làm thủ tục phân chia thừa kế. M mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W139168 và các giấy tờ liên quan về nhà cất. Do vào thời gian này tại huyện T đang diễn ra dịch C, địa bàn xã B, huyện T bị cách ly, cấm đi lại nên M không đi làm các thủ tục như anh H1 hướng dẫn được, đồng thời làm thất lạc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W139168. Sau khi chờ đợi một thời gian dài mà M vẫn chưa thực hiện được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên ông N yêu cầu M trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W139168. Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị mất nên vào khoảng đầu tháng 5/2022, M lên mạng xã hội facebook vào trang "Dịch vụ giấy tờ - PK5" đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung giống như Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W139168 với giá 2.000.000 đồng để trả lại cho ông N. Sau khi mua được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W139168 giả, M đã đưa Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W139168 giả cho ông N. Đối với số tiền 50.000.000 đồng do đã tiêu xài cá nhân hết nên M hứa sẽ trả lại cho ông N sau. Đến ngày 07/12/2022, ông N nghi ngờ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W139168 mà M giao trả lại là giả nên đã tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T.

Cơ quan điều tra Công an huyện T đã thu thập các mẫu mộc dấu tròn của Ủy ban nhân dân huyện T và chữ ký của Phó chủ tịch Trần Quang B vào thời điểm năm 2003 để làm mẫu so sánh trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 872/KL-KTHS ngày 31/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, Kết luận như sau:

"1. Hình dấu tròn Ủy ban nhân dân huyện T – Tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu trên ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn Ủy ban nhân dân huyện T – Tỉnh Đồng Nai trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên Trần Quang B trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Trần Quang B trên các Tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do một người ký ra".

Ngày 15/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trịnh Văn M về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 282/CT-VKS-TB ngày 07/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với bị cáo Trịnh Văn M về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn M từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W139168 giả, lưu kèm hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Văn M đã trả lại cho ông Nguyễn Viết N số tiền 50.000.000 đồng, ông N đã nhận tiền và không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Bị cáo Trịnh Văn M nhận làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W139168 cấp cho thửa đất số 139, tờ bản đồ số 41, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai từ tên ông Nguyễn Viết K sang tên ông Nguyễn Viết N (ông K là cho ông N và đã chết), trong thời hạn 03 tháng, với giá là 70.000.000đ (đã nhận trước 50.000.000đ). Ngày 25/02/2021, tại nhà ông N ở A, xã B, huyện T, ông N đã đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho M làm thủ tục. Trong quá trình làm thủ tục, M đã làm thất lạc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vào khoảng đầu tháng 5/2022, M lên mạng xã hội facebook vào trang "Dịch vụ giấy tờ - PK5" đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất có nội dung giống như Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W139168 với giá 2.000.000 đồng và đưa lại cho ông N. Theo Kết luận giám định số 872/KL-KTHS ngày 31/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, thì: Hình dấu tròn Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai và chữ ký mang tên Trần Quang B trên tài liệu cần giám định so với mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra và không phải do một người ký ra. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan nhà nước trong hoạt động quản lý đất đai. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho ông N để ông N cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống tuân thủ pháp luật.

[4] Khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đồng thời, bị cáo là người có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết giam giữ bị cáo mà cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W139168 giả là chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội nên cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Viết N đã nhận lại số tiền 50.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với đối tượng đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W139168, do M không biết nhân thân lai lịch nên Cơ quan Điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là đúng quy định.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, hình phạt và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn M phạm tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn M 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày 18/12/2023.

Giao bị cáo Trịnh Văn M cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Đương sự;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ CA h.Trảng Bom;
- Công an h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thùy Dung